

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2026
Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Trần Thanh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2026/QĐ-TA ngày 07/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Son Ngọc Á**, sinh năm 1995; địa chỉ: **ấp K, xã U, tỉnh An Giang** (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Huỳnh M**, sinh năm 1989; địa chỉ: **ấp M, xã U, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2026 nguyên đơn bà **Son Ngọc Á** trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Vợ chồng trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau và được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên nên bà **Á** và ông **M** chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà **Á** yêu cầu ly hôn với ông **M**.

- *Về con chung*: Xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là **Lê Huỳnh Đông A**, giới tính nữ, sinh ngày 01/9/2011, con chung đang sống với cha là ông **M** nên bà **A** đồng ý giao con chung cho ông **M** tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Xác định vợ chồng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Lê Huỳnh M** để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **A** cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông **M** không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Son Ngọc Á** và ông **Lê Huỳnh Mi**. Về con chung đề nghị giao con chung **Lê Huỳnh Đông A**, giới tính nữ, sinh ngày 01/9/2011 cho ông **M** tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do ông **M** không có ý kiến, còn bà **A** không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà **A** có đơn xin vắng mặt phiên tòa; bị đơn ông **M** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **A**, áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **M**.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 6, An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà **A**, ông **M** chung sống năm 2011. Quá trình chung sống bà **A**, ông **M** không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký

kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay có mâu thuẫn và bà **A** yêu cầu ly hôn với ông **M** nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Sơn Ngọc Á** và ông **Lê Huỳnh Mi**.

[4] *Về con chung*: Xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung **Lê Huỳnh Đông A**, giới tính nữ, sinh ngày 01/9/2011. Bà **A** đồng ý cho ông **M** tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện nay ông **M** đang trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con chung là **Lê Huỳnh Đông A** cho ông **M** nuôi dưỡng, bà **A** không cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn bà **A** chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Sơn Ngọc Á** và ông **Lê Huỳnh Mi**.

2. Về con chung: Giao con chung **Lê Huỳnh Đông A**, giới tính nữ, sinh ngày 01/9/2011 cho ông **Lê Huỳnh M** tiếp tục nuôi dưỡng. Bà **A** không cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà **Sơn Ngọc Á** chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 304732 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà **Á** không phải nộp thêm.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6- An Giang;
- UBND xã U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng